

TRẦN THỊ TUYẾT OANH

MODULE THCS

24

**KĨ THUẬT KIỂM TRA,
ĐÁNH GIÁ
TRONG DẠY HỌC**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Kiểm tra, đánh giá là một bộ phận, một khâu quan trọng của quá trình dạy học. Kiểm tra, đánh giá không chỉ xác định mức độ đạt được các mục tiêu của dạy học, mà còn tác động trở lại quá trình dạy học.

Tính khách quan, chính xác trong kiểm tra, đánh giá cũng như tính hiệu quả của quá trình này phụ thuộc rất nhiều vào các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá mà người giáo viên sử dụng. Kĩ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là một thành tố nằm trong tất cả các khâu của quá trình đánh giá kết quả học tập.

Với xu hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá hiện nay, các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đòi hỏi phải được thực hiện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá.

Module này trình bày những kĩ thuật cơ bản, hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS, giúp cho giáo viên sử dụng được các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá trong dạy học, bao gồm kĩ thuật biên soạn đề kiểm tra, đo lường kết quả học tập; kĩ thuật kiểm tra, đánh giá hướng vào hỗ trợ cho dạy học có hiệu quả.



B. MỤC TIÊU

Sau khi học xong module này, học viên sẽ:

1. Kiến thức

Nắm được các bước cơ bản để xây dựng đề kiểm tra; nắm được kĩ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS như: biết xác định mục đích kiểm tra, phương pháp, hình thức kiểm tra, xây dựng ma trận cho đề kiểm tra, viết đề kiểm tra và hướng dẫn chấm điểm.

2. Kỹ năng

- Thực hiện được việc biên soạn đề kiểm tra cho môn học cụ thể.
- Sử dụng được các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá trong dạy học để đánh giá kết quả học tập của học sinh và nâng cao hiệu quả dạy học.

3. Thái độ

- Có thái độ tích cực trong việc bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá phù hợp với đối tượng và môn học cụ thể.



C. NỘI DUNG

Nội dung 1

CÁC KỸ THUẬT KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

I. MỤC TIÊU

Sau khi học xong module này, học viên sẽ:

- Nắm được các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS được thực hiện trong kiểm tra, đánh giá định kì và kiểm tra, đánh giá tổng kết.
- Sử dụng thành thạo các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá để đánh giá kết quả học tập của học sinh.
- Có thái độ tích cực trong việc bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá phù hợp với đối tượng và môn học cụ thể.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Thiết lập các bước cụ thể để xây dựng một đề kiểm tra cho môn học cụ thể.

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm thực tiễn của mình, bạn hãy nhớ lại và viết ra suy nghĩ của mình để thực hiện một số yêu cầu sau:

- * *Hãy chỉ ra những hạn chế của việc xây dựng đề kiểm tra hiện nay.*

- * *Nêu các bước xây dựng đề kiểm tra và vai trò của mỗi bước.*

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

Thông tin phản hồi

* *Một số hạn chế của việc xây dựng đề kiểm tra hiện nay:*

- Một số giáo viên chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của xây dựng đề kiểm tra.
- Các bước ra đề kiểm tra không được chú ý đúng mức, đặc biệt là bước xây dựng ma trận đề, đáp án, thang điểm thử lại đề trước khi cho học sinh thực hiện.
- Kỹ thuật viết đề chưa chuẩn.
- Soạn đề kiểm tra thiếu chiều sâu.
- Đề kiểm tra ít chú ý đến tính sáng tạo, thể hiện sự phân hoá quá thấp, hoặc quá cao.

* *Các bước xây dựng đề kiểm tra*

- *Bước 1.* Xác định mục đích của đề kiểm tra.

Đề kiểm tra là một công cụ dùng để đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong một chủ đề, một chương, một học kì, một lớp hay

một cấp học nên người biên soạn đề kiểm tra cần căn cứ vào mục đích, yêu cầu cụ thể của việc kiểm tra, căn cứ vào chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình và thực tế học tập của học sinh để xây dựng mục đích của đề kiểm tra cho phù hợp.

– *Bước 2. Xác định hình thức đề kiểm tra.*

Đề kiểm tra (viết) có các hình thức sau:

- + Đề kiểm tra tự luận;
- + Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan;
- + Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trên: có cả câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan.

Mỗi hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần kết hợp một cách hợp lí các hình thức sao cho phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện để đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn.

Nếu đề kiểm tra kết hợp hai hình thức thì nên có nhiều phiên bản đề khác nhau hoặc cho học sinh làm bài kiểm tra phần trắc nghiệm khách quan độc lập với việc làm bài kiểm tra phần tự luận: làm phần trắc nghiệm khách quan trước, thu bài rồi mới cho học sinh làm phần tự luận.

– *Bước 3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra (bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra).*

Lập một bảng có hai chiều, một chiều là nội dung hay mạch kiến thức, kĩ năng chính cần đánh giá, một chiều là các cấp độ nhận thức của học sinh theo các cấp độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng (gồm có vận dụng ở cấp độ thấp và vận dụng ở cấp độ cao).

Trong mỗi ô là chuẩn kiến thức, kĩ năng chương trình cần đánh giá, tỉ lệ % số điểm, số lượng câu hỏi và tổng số điểm của các câu hỏi.

Số lượng câu hỏi của từng ô phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi chuẩn cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và trọng số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng cấp độ nhận thức.

– *Bước 4. Biên soạn câu hỏi theo ma trận.*

Việc biên soạn câu hỏi theo ma trận cần đảm bảo nguyên tắc: loại câu hỏi, số câu hỏi và nội dung câu hỏi do ma trận đề quy định, mỗi câu hỏi trắc nghiệm khách quan chỉ kiểm tra một chuẩn hoặc một vấn đề, khái niệm.

– *Bước 5. Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm.*

Việc xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm đối với bài kiểm tra cần đảm bảo các yêu cầu:

Nội dung: khoa học và chính xác. Cách trình bày: cụ thể, chi tiết nhưng ngắn gọn và dễ hiểu, phù hợp với ma trận đề kiểm tra.

Cần hướng tới xây dựng bản mô tả các mức độ đạt được để học sinh có thể tự đánh giá được bài làm của mình (kĩ thuật Rubric).

– *Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra.*

Sau khi biên soạn xong đề kiểm tra, cần xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra, gồm các bước sau:

- + Đối chiếu từng câu hỏi với hướng dẫn chấm và thang điểm, phát hiện những sai sót hoặc thiếu chính xác của đề và đáp án. Sửa các từ ngữ, nội dung nếu thấy cần thiết để đảm bảo tính khoa học và chính xác.
- + Đối chiếu từng câu hỏi với ma trận đề, xem xét câu hỏi có phù hợp với chuẩn cần đánh giá không, có phù hợp với cấp độ nhận thức cần đánh giá không, số điểm có thích hợp không, thời gian dự kiến có phù hợp không (giáo viên tự làm bài kiểm tra, thời gian làm bài của giáo viên bằng khoảng 70% thời gian dự kiến cho học sinh làm bài là phù hợp).
- + Thử đề kiểm tra để tiếp tục điều chỉnh đề cho phù hợp với mục tiêu, chuẩn chương trình và đối tượng học sinh (nếu có điều kiện, hiện nay đã có một số phần mềm hỗ trợ cho việc này, giáo viên có thể tham khảo).
- + Hoàn thiện đề, hướng dẫn chấm và thang điểm.

Hoạt động 2: Xác định các mục tiêu kiểm tra, đánh giá và thiết lập bảng ma trận.

Dựa vào kinh nghiệm của mình, bạn hãy thực hiện một số yêu cầu sau:

- * *Chọn một chương cụ thể của môn học, xác định các mục tiêu cần kiểm tra, đánh giá.*

* Thiết lập bảng ma trận cho đề kiểm tra theo bảng sau:

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

(Dùng cho loại đề kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan)

Cấp độ Tên chủ đề (nội dung, chương..)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Chủ đề 1	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu ... điểm = ... %
Chủ đề 2	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu ... điểm = ... %
.....					
Chủ đề n	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu ... điểm = ... %
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %		Số câu Số điểm

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

(Dùng cho loại đề kiểm tra kết hợp tự luận và trắc nghiệm khách quan)

Cấp độ
--

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để hiểu rõ hơn về kĩ thuật xác định mục đích kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Thông tin phản hồi

** Xác định yêu cầu cần đạt được của nội dung kiểm tra*

Xác định theo các cấp độ: biết, hiểu, áp dụng, giáo viên phải căn cứ vào hệ thống các chuẩn kiến thức, kĩ năng được quy định trong chương trình của môn học để mô tả yêu cầu cần đạt theo các cấp độ của tư duy. Các cấp độ của tư duy thông thường cần được đánh giá như:

- *Nhận biết*: là mức độ thấp nhất, chủ yếu là ghi nhớ và nhắc lại được những gì đã được học trước đây, yêu cầu nhớ lại hay nhận thức lại các sự kiện, các thuật ngữ, các quy ước, các nguyên tắc, các quy luật, các đặc trưng..., không cần giải thích những thông tin thu được. Động từ mô tả yêu cầu cần đạt ở cấp độ này thường bao gồm các động từ: nhận biết được, nêu được, phát biểu được, viết được, liệt kê được,...
- *Thông hiểu*: bao gồm cả biết nhưng ở mức độ cao hơn, đòi hỏi biết được cả ý nghĩa của tri thức, liên hệ chúng với những gì đã học, đã biết. Hiểu được thể hiện ở ba dạng: *Thứ nhất* là có thể truyền đạt lại thông tin thu nhận được bằng các thuật ngữ khác hay bằng một hình thức khác của thông tin; *Thứ hai* là khi đưa ra một thông tin, có thể nắm vững được ý tưởng chính có trong thông tin đó, đồng thời hiểu được mối liên hệ bên trong giữa chúng. Có thể sắp xếp lại ý tưởng thành một dạng mới, nó bao gồm khả năng nhận ra những cái cơ bản và phân biệt chúng với cái khác; *Thứ ba* là có khả năng đưa ra những kết luận bằng sự suy luận, khả năng tiên đoán, nó bao gồm việc đánh giá hay dự đoán dựa trên sự hiểu biết khuynh hướng hay điều kiện được mô tả trong thông tin, bao gồm các phán đoán về cái tổng thể, từ việc mô tả rõ một mẫu hay ngược lại phán đoán về một mẫu mà thông tin mô tả cái tổng thể. Nội dung thể hiện ở việc thông hiểu thông tin, nắm bắt được ý nghĩa, chuyển tải kiến thức từ dạng này sang dạng khác, diễn giải các dữ liệu, so sánh, đối chiếu tương phản, sắp xếp thứ tự, sắp xếp theo nhóm, suy diễn các nguyên nhân, dự đoán. Động từ mô tả yêu cầu cần đạt ở cấp độ này thường là diễn giải được, so sánh, chỉ ra các mối quan hệ...
- *Áp dụng* được dựa trên sự thông hiểu, là mức độ cao hơn so với sự thông hiểu. Khi áp dụng, cần phải căn cứ vào những hoàn cảnh hoặc những điều kiện cụ thể để lựa chọn, sử dụng các tri thức đã học vào việc giải quyết một vấn đề nào đó. Yêu cầu giải quyết vấn đề bằng những kiến

thức, kĩ năng đã học đòi hỏi sự tư duy logic, phân tích, tổng hợp. Động từ mô tả yêu cầu cần đạt ở cấp độ này thường là: vận dụng được, giải được bài tập, làm được...

Các mục tiêu học tập được xây dựng phải mang tính toàn diện, chúng phải mô tả được các lĩnh vực kiến thức, kĩ năng, thái độ. Tuy nhiên, tùy theo nội dung tri thức có thể ưu tiên hơn mục tiêu nào đó khi kết hợp chúng với nhau.

Xác định đủ số lượng các mục tiêu, số lượng các mục tiêu tùy thuộc vào sự phức tạp của mục tiêu cũng như thời gian và khối lượng kiến thức cần trang bị cho học sinh.

Các mục tiêu thường là cụ thể và được miêu tả bằng những động từ chỉ hành động. Những hành động này chỉ ra những gì học sinh thực sự làm được cuối một đơn vị học tập. Khi viết mục tiêu cần mô tả ở mức độ tổng quát thích hợp, không nên quá chi tiết, cũng không nên quá chung chung. Các mục tiêu nên nêu ra ở mức độ vừa đủ lượng thông tin.

Các mục tiêu học tập xác định cao nhưng phải có tính khả thi, đòi hỏi không quá khó, không quá dễ, học sinh có đủ kiến thức, kĩ năng cần thiết để đạt mục tiêu.

Các mục tiêu học tập cần được xác định thống nhất với nguyên tắc về dạy học, bởi vì chúng là cơ sở cho hoạt động giảng dạy và hoạt động học tập. Chẳng hạn, mục tiêu có khuyến khích cho cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập không, hoặc giúp cho việc áp dụng những điều đã học vào thực tiễn như thế nào.

* *Xây dựng ma trận cho đề kiểm tra*

Khi viết câu hỏi phải căn cứ vào bảng đặc trưng (còn gọi là bảng đặc tính, hay bảng ma trận hai chiều). Bảng đặc trưng này được coi là một công cụ hữu ích giúp cho người soạn trắc nghiệm viết các câu hỏi phù hợp với mục tiêu giảng dạy, nó phân loại từng câu hỏi trắc nghiệm ra thành hai chiều cơ bản, một chiều là hành vi đòi hỏi ở học sinh, một chiều là nội dung sách giáo khoa, giáo trình môn học chứa đựng. Số lượng câu hỏi đưa vào bảng đặc trưng phải được xác định rõ ràng, như vậy khi nhìn vào bảng đặc trưng có thể dễ dàng lấy được mẫu đại diện cho nội dung môn học.

Để thành lập bảng đặc trưng, cần phải tiến hành phân tích nội dung của môn học, cần liệt kê các mục tiêu giảng dạy cụ thể hay các năng lực cần được đo lường. Tất cả những điều này cần được ghi lại với các nhận định

khá chi tiết. Sau đó phải quyết định là cần bao nhiêu câu hỏi cho mỗi mục tiêu. Số lượng câu hỏi tùy thuộc vào mức độ quan trọng của từng mục tiêu và các khía cạnh khác nhau cần đo lường, trong đó phải tiến hành các công việc như: Xác định những vấn đề được coi là chính yếu trong toàn bộ nội dung của chương trình môn học; Phân loại các vấn đề chính yếu theo các dạng như: các sự kiện, các khái niệm, các quy luật, quy tắc, đặc trưng, các tư tưởng, các luận điểm...; Xác định các mục tiêu giáo dục cụ thể cần đạt được. Các mục tiêu cụ thể cần phải viết rõ thành một bản chi tiết theo các vấn đề trong từng chương, từng bài.

- Các bước cơ bản thiết lập ma trận đề kiểm tra:
 - + B1. Liệt kê tên các chủ đề (nội dung, chương...) cần kiểm tra;
 - + B2. Viết các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy;
 - + B3. Quyết định phân phối tỉ lệ % tổng điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...);
 - + B4. Quyết định tổng số điểm của bài kiểm tra;
 - + B5. Tính số điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...) tương ứng với tỉ lệ %;
 - + B6. Tính tỉ lệ %, số điểm và quyết định số câu hỏi cho mỗi chuẩn tương ứng;
 - + B7. Tính tổng số điểm và tổng số câu hỏi cho mỗi cột;
 - + B8. Tính tỉ lệ % tổng số điểm phân phối cho mỗi cột;
 - + B9. Đánh giá lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

Cần lưu ý:

- Khi viết các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy:
 - + Chuẩn được chọn để đánh giá là chuẩn có vai trò quan trọng trong chương trình môn học. Đó là chuẩn có thời lượng quy định trong phân phối chương trình nhiều và làm cơ sở để hiểu được các chuẩn khác.
 - + Mỗi chủ đề (nội dung, chương...) nên có những chuẩn đại diện được chọn để đánh giá.
 - + Số lượng chuẩn cần đánh giá ở mỗi chủ đề (nội dung, chương...) tương ứng với thời lượng quy định trong phân phối chương trình dành cho chủ đề (nội dung, chương...) đó. Nên để số lượng các chuẩn kỹ năng và chuẩn đòi hỏi mức độ tư duy cao (vận dụng) nhiều hơn.
- Quyết định tỉ lệ % tổng điểm phân phối cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...):

Căn cứ vào mục đích của đề kiểm tra, căn cứ vào mức độ quan trọng của mỗi chủ đề (nội dung, chương...) trong chương trình và thời lượng quy định trong phân phối chương trình để phân phối tỉ lệ % tổng điểm cho từng chủ đề.

- Tính số điểm và quyết định số câu hỏi cho mỗi chuẩn tương ứng.

Căn cứ vào mục đích của đề kiểm tra để phân phối tỉ lệ % số điểm cho mỗi chuẩn cần đánh giá, ở mỗi chủ đề, theo hàng. Giữa ba cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng theo thứ tự nên theo tỉ lệ phù hợp với chủ đề, nội dung và trình độ, năng lực của học sinh.

- + Căn cứ vào số điểm đã xác định ở B5 để quyết định số điểm và câu hỏi tương ứng, trong đó mỗi câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan phải có số điểm bằng nhau.
- + Nếu đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận thì cần xác định tỉ lệ % tổng số điểm của mỗi hình thức sao cho thích hợp.

Hoạt động 3: Thực hiện viết đề kiểm tra tự luận và trắc nghiệm khách quan.

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm của mình, bạn hãy thực hiện một số yêu cầu sau:

- * *Xây dựng một đề kiểm tra; thiết kế đáp án và thang điểm.*

* Chia sẻ với đồng nghiệp về đề kiểm tra, chỉ ra những lỗi mắc phải khi viết đề kiểm tra tự luận.

* Nêu cách chấm bài tự luận đảm bảo khách quan.

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để nắm vững hơn kĩ thuật xây dựng đề kiểm tra, thiết kế đáp án và thang điểm cho một đề kiểm tra.

Thông tin phản hồi

Đối với câu hỏi kiểm tra cần được diễn đạt một cách rõ ràng, chú ý đến cấu trúc ngữ pháp. Từ ngữ lựa chọn phải chính xác, nên thử nhiều cách đặt câu hỏi và lựa chọn cách đặt câu hỏi đơn giản nhất, tránh tăng mức độ khó của câu hỏi bằng cách diễn đạt câu phức tạp, tránh có những từ thừa hay những câu thừa.

Cần xác định được thời gian cần cho việc trả lời câu hỏi. Đối với những câu trả lời giới hạn, có thể dễ ước lượng thời gian trả lời cho mỗi câu. Còn đối với những câu trả lời mở rộng, khó hơn trong việc ước lượng thời gian cần thiết thì câu hỏi cần đảm bảo cho học sinh viết chậm cũng có thể hoàn thành được bài viết.

Một trong những cách có thể cải tiến câu tự luận để nâng cao độ tin cậy là tăng số câu hỏi trong bài kiểm tra, giảm độ dài ở phần trả lời của mỗi câu. Những câu quá dài và tổng quát có thể phân ra làm nhiều câu hỏi ngắn, có giới hạn độ dài của mỗi câu.

Chấm các câu tự luận thường khó vì mỗi học sinh có cách diễn đạt, cách cấu trúc và sắp xếp riêng, do đó, khi chấm bài kiểm tra, cần xác định thang điểm một cách chuẩn xác và chi tiết, trong đó đưa ra những câu trả lời có thể chấp nhận được và trọng số cho từng câu trả lời. Cần phải có một bảng hướng dẫn nêu rõ những khái niệm, những ý tưởng, những lập luận, khối lượng dài ngắn và một số vấn đề khác tạo nên một bài trả lời chấp nhận được. Mặt khác, cần dự kiến đưa ra một số vấn đề có thể xuất hiện trong bài làm để có cách xử lý và cho điểm.

Có hai cách chấm điểm là chấm theo kiểu phân tích và chấm theo kiểu phân loại nhóm, tùy theo mục đích kiểm tra, đánh giá.

- Thứ nhất là chấm theo kiểu phân tích, được tiến hành bằng cách cho điểm các câu trả lời căn cứ theo từng tiêu chí đã xác định. Như vậy trong bài sẽ có các điểm thành phần và sau đó cộng lại. Cách chấm này cần căn cứ và bám sát vào đáp án và thang điểm. Để có được hiệu quả cao ở cách chấm theo kiểu phân tích là chấm điểm đồng loạt từng câu một. Điều này sẽ giúp cho việc áp dụng tiêu chí nhất quán cho các câu, tránh sự thay đổi vô tình khi chấm, làm tăng tính khách quan.
- Thứ hai là chấm theo kiểu phân loại. Kiểu này đòi hỏi người chấm phải đọc sơ bộ tất cả các bài làm, sau đó phân loại bài theo các nhóm. Có thể phân thành ba loại hoặc năm loại. Việc chia nhóm được tiến hành trước

khi cho điểm để người chấm có thể suy nghĩ, so sánh giữa các bài với nhau. Chấm theo cách này có thể tiến hành theo ba bước:

- + Thứ nhất là: đọc tất cả các bài rồi xếp thành ba nhóm, hoặc năm nhóm lớn với tỉ lệ bằng nhau.
- + Thứ hai là: đọc lại các bài và mỗi nhóm lại tiếp tục chia thành ba hoặc năm nhóm nhỏ.
- + Thứ ba là: so sánh nhóm nhỏ cuối của nhóm lớn này với nhóm nhỏ đầu của nhóm lớn khác, nếu thấy có sự phân biệt tức là có thể chấp nhận được về sự phân loại.

Cách chấm theo kiểu phân loại có thể đánh giá tổng thể câu trả lời bằng một điểm số hoặc bằng xếp loại, điểm số có thể căn cứ vào ấn tượng chung hay tiêu chí nhất định và được đặt vào mốc ấn định các mức độ khác nhau về chất lượng bài làm. Tất nhiên việc lựa chọn cách chấm nào là phụ thuộc vào mục đích của đánh giá. Thông thường, để phân loại, sắp xếp học sinh vào các nhóm khác nhau theo mục đích nào đó thì có thể chấm theo kiểu phân loại. Để xác định mức độ mà người học đạt được các mục tiêu đặt ra như thế nào thì cần căn cứ vào những tiêu chí cụ thể, chi tiết.

Việc chấm điểm bài tự luận cần có sự độc lập giữa những người chấm. Người chấm sau không nên biết người chấm trước đã cho bao nhiêu điểm, người chấm không nên biết tên học sinh hoặc lớp học sinh để tránh sự ảnh hưởng của ấn tượng, đảm bảo tính khách quan.

Hoạt động 4: Thực hành viết hệ thống câu trắc nghiệm khách quan.

Bạn đã từng soạn các câu hỏi trắc nghiệm khách quan để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. Bạn hãy nhớ lại và viết các câu trắc nghiệm khách quan ở một chương cụ thể của môn học đang giảng dạy dựa theo bảng đặc trưng đã xác định.

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để nắm vững hơn kĩ thuật xây dựng các câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Thông tin phản hồi

- * *Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn*
- Đối với phần câu dẫn phải diễn đạt một cách rõ ràng. Có thể dùng một câu hỏi hay một câu nhận định không đầy đủ làm câu dẫn, không nên đưa quá nhiều tư liệu vào câu dẫn. Tránh sử dụng các câu dẫn mang tính

phủ định. Tuy nhiên, nếu đưa câu phủ định vào câu dẫn thì cần gạch dưới chữ “không” để nhấn mạnh.

- Các phương án trả lời cần được viết sao cho có cùng văn phong và tương đương nhau về độ dài.
- Không nên có sự khác biệt về cách diễn đạt giữa câu trả lời đúng và các câu nhiễu vì người trả lời có thể sẽ dựa vào một số yếu tố nào đó để phát hiện câu đúng chứ không dựa vào kiến thức. Lỗi thường hay gặp phải đó là các câu đúng thường dài hơn, phức tạp và chi tiết hơn.
- Câu dẫn và các phương án trả lời đều hợp nhau về ngữ pháp khi ghép chúng với nhau, tránh sử dụng trong các phương án trả lời các cụm từ như “Tất cả những từ trên” hay “Tất cả những câu trên” hoặc “Không có câu nào ở trên”.
- Các phương án nhiễu cần diễn đạt sao cho có vẻ hợp lý và có sức hấp dẫn như nhau. Nếu thể hiện sự sai một cách hiển nhiên sẽ không có giá trị. Để viết được câu nhiễu hay thì cần xác định được các lỗi chung mà người học thường hay lầm tưởng.
- Cần sắp xếp các phương án trả lời trong các câu hỏi theo vị trí ngẫu nhiên, không nên theo một trình tự máy móc. Nên hạn chế sử dụng phương án “Tất cả những câu trên” hoặc “Không có câu nào ở trên”, hoặc đưa ra sự lựa chọn cho 2 phương án nào đó.
- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình.
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng.
- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể.
- Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa.
- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh.
- Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức.
- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh.
- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra.
- Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn.
- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất.
- Không đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “Không có phương án nào đúng”.

** Yêu cầu viết loại câu đúng – sai*

- Loại câu này đòi hỏi học sinh phải lựa chọn một trong hai phương án, có thể là đúng hoặc không đúng. Cũng có thể là có hoặc không có, đồng ý hay không đồng ý.
- Câu đúng – sai cần phải viết thật ngắn gọn, tránh mơ hồ, câu hỏi phải được xếp một cách chính xác là đúng, hay sai.
- Tránh việc trích dẫn nguyên mẫu trong sách giáo khoa bởi vì khi tách chúng ra có thể không còn đúng hoàn toàn như trước nữa.
- Tránh những câu nhận định mang tính phủ định, đặc biệt là phủ định kép. Nếu dùng câu phủ định hay phủ định kép thì nên gạch dưới chữ không để phân biệt rõ.
- Nên tránh sử dụng các sự kiện hay các từ không quan trọng hoặc là quá vụn vặt, tiểu tiết.
- Tránh những câu mà trả lời sai chỉ phụ thuộc vào một từ hay một câu không quan trọng.
- Không nên dùng toàn những câu đòi hỏi trả lời đúng, cũng không nên dùng toàn những câu đòi hỏi trả lời sai, nên dùng mỗi loại một nửa.
- Không nên viết câu theo kiểu “bẫy” học sinh, chẳng hạn như thêm vào hay bớt đi một vài từ vụn vặt nào đó để thay đổi ý nghĩa.

** Gợi ý để viết câu điền vào chỗ trống*

Câu điền vào chỗ trống thể hiện một dạng của câu trả lời ngắn. Khi viết loại câu hỏi này, không nên để quá nhiều khoảng trống trong một câu, bởi vì có quá nhiều khoảng trống sẽ làm cho các câu trở nên rắc rối, khó hiểu. Đối với loại câu điền vào chỗ trống cũng nên hạn chế dùng nguyên mẫu những câu lấy từ trong sách giáo khoa, bởi vì những câu đó thường có ý nghĩa khi nằm trong ngữ cảnh cụ thể.

** Gợi ý để viết loại câu ghép đôi*

- Loại câu ghép đôi bao gồm hai cột, một cột xếp theo chữ cái, một cột xếp theo chữ số, yêu cầu học sinh chọn chữ cái và số để ghép lại. Cần nêu rõ trong hướng dẫn cách thức trả lời để người trả lời biết rõ là mỗi câu trả lời có thể được sử dụng một lần hay hơn. Đối với học sinh nhỏ, có thể cho vẽ các đường để nối hai cột với nhau.
- Khi viết loại câu ghép đôi cần sắp xếp các danh mục một cách rõ ràng, đảm bảo sao cho hai danh mục phải đồng nhất. Khi viết câu hỏi nên giải thích rõ cơ sở để ghép đôi hai cột trong câu.

- Cần tránh việc sắp xếp các danh mục trong câu để có thể tạo nên sự ghép đôi đúng theo kiểu 1 – 1. Nên tạo sự ghép đôi đúng một cách ngẫu nhiên. Các danh mục ở hai cột nên có số lượng không bằng nhau.
- Danh mục ở hai cột không nên quá nhiều, nên chỉ dùng khoảng 8 danh mục trở lại, nếu sử dụng quá nhiều danh mục thì học sinh sẽ mất nhiều thời gian và cũng dễ mắc lỗi.
- Các câu nên diễn đạt ngắn gọn và sắp xếp logic.

Hoạt động 5: Thực hành phân tích câu trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn.

Bạn hãy đọc những câu hỏi trắc nghiệm khách quan sau đây và chỉ ra độ khó, độ phân biệt và độ lôi cuốn vào các câu trả lời của những câu hỏi này. ^(*)

Câu 1: Hình ảnh nào sau đây không phải là hình ảnh nhân hoá?

- | | |
|------------------------------|---------------------|
| A. Cây dừa sải tay bơi. | B. Cò già rung tai. |
| C. Kiến hành quân đầy đường. | D. Bố em đi cày về. |

Câu 2: Câu thơ “Một tiếng chim kêu sáng cả rừng” thuộc kiểu ẩn dụ nào?

- | | |
|--------------------|------------------------------|
| A. Ẩn dụ hình thức | B. Ẩn dụ cách thức |
| C. Ẩn dụ phẩm chất | D. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác |

Câu 3: Hai câu thơ sau thuộc kiểu hoán dụ nào?

Vì sao? Trái đất nặng ân tình

Nhắc mãi tên người: Hồ Chí Minh.

- | |
|---|
| A. Lấy bộ phận để gọi toàn thể. |
| B. Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng. |
| C. Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật. |
| D. Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng. |

Câu 4: Trong câu: “Rừng được dựng lên cao ngất như hai dãy núi trường thành vô tận” có sử dụng phép:

- | | |
|------------|-------------|
| A. Hoán dụ | B. Ẩn dụ |
| C. So sánh | D. Nhân hoá |

(*) Trích: Huỳnh Văn Thắng. *Đề kiểm tra Ngữ văn 6*. NXB Đại học Sư phạm, 2013.

Câu 5: Có mấy kiểu ẩn dụ thường gặp?

- | | |
|-------------|-------------|
| A. Hai kiểu | B. Ba kiểu |
| C. Bốn kiểu | D. Năm kiểu |

Câu 6: Hai câu thơ:

*Ngôi nhà nhu nhô lại
Lớn lên với trời xanh*

Là loại so sánh nào?

- | | |
|--------------------|----------------------------------|
| A. Người với người | B. Vật với vật |
| C. Vật với người | D. Cái cụ thể với cái trừu tượng |

Câu 7: Câu trần thuật có từ “là” sau đây thuộc kiểu câu nào?

Quê hương là chùm khế ngọt

- | | |
|-------------------|-------------------|
| A. Câu định nghĩa | B. Câu giới thiệu |
| C. Câu miêu tả | D. Câu đánh giá |

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để hiểu rõ hơn về kĩ thuật xác định độ khó, độ phân biệt và độ lôi cuốn trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

Thông tin phản hồi

* *Cách tính độ khó của câu trắc nghiệm*

Cách tính độ khó thông dụng nhất của câu trắc nghiệm là tính tỉ lệ phần trăm số người trả lời đúng câu trắc nghiệm.

$$\text{Độ khó của câu trắc nghiệm thứ } i = \frac{\text{Số người trả lời đúng câu } i}{\text{Số người làm bài trắc nghiệm}}$$

Một cách tính đơn giản khác được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐK (Độ khó)} = \frac{N_c + N_t}{2n}$$

Trong đó:

n: Số học sinh của mỗi nhóm (nhóm cao và nhóm thấp). Nhóm cao gồm những người đạt điểm cao ở toàn bài trắc nghiệm, chiếm 27% tổng số người tham gia làm trắc nghiệm. Nhóm thấp gồm những người đạt điểm thấp ở toàn bài trắc nghiệm, chiếm 27% tổng số người làm trắc nghiệm.

N_c : Số người trả lời đúng của nhóm cao.

N_t : Số người trả lời đúng của nhóm thấp.

Việc sử dụng trị số độ khó theo cách tính trên cho thấy rõ mức độ khó, dễ phụ thuộc vào cả câu trắc nghiệm và cả người người trả lời. Ngoài ra, đại lượng phản ánh độ khó, dễ của bài trắc nghiệm cũng phụ thuộc vào các lĩnh vực khoa học khác nhau đối với từng đối tượng cụ thể.

Giá trị chỉ số độ khó thay đổi từ 0 đến 1, các câu trắc nghiệm trong bài trắc nghiệm thường có các độ khó khác nhau, giá trị độ khó càng nhỏ thì câu trắc nghiệm càng khó và ngược lại, giá trị độ khó càng lớn thì thể hiện câu trắc nghiệm càng dễ.

Như vậy, độ khó có giá trị như thế nào thì câu trắc nghiệm có thể được xem là câu có độ khó trung bình?

* *Cách tính độ phân biệt*

Có nhiều cách tính độ phân biệt của câu trắc nghiệm. Một trong những cách tính đơn giản và thông dụng là:

$$ĐPB = \frac{N_c - N_t}{n}$$

Trong đó:

n : Số học sinh của mỗi nhóm (nhóm cao bằng nhóm thấp). Nhóm cao gồm những người đạt điểm cao ở toàn bài trắc nghiệm, chiếm 27% tổng số người tham gia làm trắc nghiệm. Nhóm thấp gồm những người đạt điểm thấp ở toàn bài trắc nghiệm, chiếm 27% tổng số người làm trắc nghiệm).

N_c : Số người trả lời đúng của nhóm cao.

N_t : Số người trả lời đúng của nhóm thấp.

Cách tính thứ hai là lấy tỉ lệ phần trăm làm đúng câu trắc nghiệm trong nhóm cao trừ đi tỉ lệ phần trăm làm đúng trong nhóm thấp. Cách này cũng cho ra trị số độ phân biệt tương tự như cách đã nêu ở trên. Giá trị độ phân biệt của câu trắc nghiệm thay đổi từ -1 đến +1.

Yêu cầu về chỉ số độ phân biệt bao nhiêu là được? Khi xét yêu cầu về chỉ số độ phân biệt cần căn cứ vào mục đích trắc nghiệm. Nếu bài trắc nghiệm theo chuẩn (nhằm mục đích phân biệt, lựa chọn học sinh) thì cần những câu trắc nghiệm có chỉ số về độ phân biệt cao. Còn bài trắc nghiệm theo tiêu chí (xác định mức độ đạt được mục tiêu môn học) thì chỉ số này không quan trọng.

Thông thường, bài trắc nghiệm theo chuẩn có độ phân biệt từ 0,30 trở lên là tốt, đôi khi cũng chấp nhận chỉ số 0,20. Lúc đó cần phải xem xét các chỉ số khác nữa. Bài trắc nghiệm theo tiêu chí thì chỉ số về độ phân biệt không nhất thiết phải loại bỏ câu hỏi, nhưng nếu độ phân biệt là âm thì cần phải xem lại hoặc loại bỏ câu trắc nghiệm.

Một số quy tắc để đánh giá sơ bộ độ phân biệt là:

- Số học sinh của nhóm cao và nhóm thấp cùng đạt được số câu hỏi đúng như nhau thì độ phân biệt của câu hỏi bằng 0.
- Số học sinh của nhóm cao đạt được số câu hỏi đúng nhiều hơn số học sinh ở nhóm thấp thì độ phân biệt là dương.
- Số học sinh của nhóm cao đạt được số câu hỏi đúng ít hơn số học sinh ở nhóm thấp thì độ phân biệt là âm.

Độ phân biệt của một câu trắc nghiệm hay của một bài trắc nghiệm có liên quan đến độ khó. Nếu một bài trắc nghiệm dễ đến mức mọi học sinh đều làm tốt, các điểm số đạt được sẽ chụm ở phần điểm cao, thì độ phân biệt của nó rất kém. Nếu một bài trắc nghiệm khó đến mức mọi học sinh đều không làm được, các điểm số chụm ở phần điểm thấp thì độ phân biệt của nó cũng rất kém. Như vậy, muốn có độ phân biệt tốt thì bài trắc nghiệm cần phải có độ khó ở mức trung bình, khi đó điểm số thu được sẽ được trải rộng.

** Mức độ lôi cuốn vào các phương án trả lời (đối với câu nhiều lựa chọn)*

Riêng đối với câu trắc nghiệm khách quan loại câu nhiều lựa chọn, ngoài hai chỉ số về độ khó và độ phân biệt, còn có một chỉ số nữa cần quan tâm phân tích, đó là mức độ lôi cuốn vào các phương án trả lời.

Khi phân tích mức độ lôi cuốn học sinh vào các phương án trả lời cho sẵn ở từng câu trắc nghiệm, phải xem xét cụ thể tần số lựa chọn ở từng phương án trả lời đó. Nếu một hay vài phương án trong số các phương án nhiều của câu nhiều lựa chọn lại không có ai trả lời (kể cả những học sinh có điểm kém ở toàn bài trắc nghiệm) thì chứng tỏ các phương án đó là sai hiển nhiên, không có sức hấp dẫn gì.

Trong trường hợp một phương án nhiều có quá nhiều học sinh lựa chọn, thậm chí hơn rất nhiều so với phương án đúng, điều này chứng tỏ có sự hiểu lầm nào đó giữa phương án đúng và phương án nhiều. Do đó đối với câu nhiều lựa chọn, cần phải phân tích tỉ mỉ từng phương án trả lời. Nguyên tắc làm căn cứ cho việc phân tích các phương án trả lời ở câu trắc nghiệm là:

- Phương án trả lời đúng phải tương quan thuận với tiêu chí (các nhóm cao và các nhóm thấp là nhóm tiêu chí), tức là với câu trả lời đúng, số sinh viên ở nhóm cao lựa chọn nhiều hơn ở nhóm thấp.
- Phương án trả lời sai phải tương quan nghịch với tiêu chí, tức là số học sinh ở nhóm cao lựa chọn câu này ít hơn số học sinh lựa chọn câu này ở nhóm thấp.
- Cần đặc biệt chú ý là ở phương án đúng, tỉ lệ lựa chọn của nhóm cao phải nhiều hơn nhóm thấp; ở phương án sai, tỉ lệ lựa chọn của nhóm thấp nhiều hơn nhóm cao.

III. BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 1

1. Hãy nêu và đánh giá các bước xây dựng đề kiểm tra hiện nay trong thực tiễn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS (chỉ ra ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế).
2. Tại sao khi thiết kế đề kiểm tra cần phải thành lập bảng đặc trưng? Khi xác định trọng số cho bảng đặc trưng cần căn cứ vào những cơ sở nào?
3. Hãy xây dựng một bảng đặc trưng để đánh giá kết quả học tập ở một chương (hoặc một phần) của nội dung chương trình môn học.
4. Thực hành viết từng loại câu hỏi kiểm tra: câu hỏi dạng tự luận, trắc nghiệm khách quan.
5. Thực hành phân tích câu trắc nghiệm qua các thông số thu được từ bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Nội dung 2

CÁC KỸ THUẬT KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỖ TRỢ CHO DẠY HỌC CÓ HIỆU QUẢ

I. MỤC TIÊU

Học xong nội dung này, học viên sẽ:

- Xác định được những tác động của kiểm tra, đánh giá tới nâng cao hiệu quả dạy học.
- Tiến hành các kỹ thuật phân tích kết quả đánh giá để điều chỉnh, hỗ trợ quá trình dạy học.
- Có niềm tin và coi trọng việc sử dụng các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá để nâng cao hiệu quả dạy học.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Xác định mối quan hệ giữa dạy học và kiểm tra, đánh giá.

Dựa vào kinh nghiệm thực tiễn của mình, bạn hãy viết ra suy nghĩ của mình để thực hiện một số yêu cầu sau:

- * *Kiểm tra, đánh giá có tác động như thế nào tới việc nâng cao hiệu quả dạy học? Minh họa chứng từ thực tiễn dạy học và kiểm tra, đánh giá.*
- Tác động của kiểm tra, đánh giá đến hiệu quả dạy học:

- Ví dụ minh họa:

* *Hãy điền vào bảng sau:*

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	Thực hiện chức năng hỗ trợ dạy học	Thực hiện chức năng xác nhận
Mục đích		
Thời điểm		
Tần số đánh giá		
Sử dụng thông tin		
Tính chính thức của kết quả		

* *Trong quá trình dạy học, bạn thường xuyên thu thông tin gì ở học sinh?
Thu thông tin bằng cách nào? Tác dụng của việc thu thông tin đó?*

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

Thông tin phản hồi

- * *Đánh giá kết quả học tập nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học:*
 - Đánh giá giúp cho giáo viên thu được những thông tin từ học sinh, phát hiện thực trạng kết quả học tập của họ cũng như những nguyên nhân cơ bản dẫn tới thực trạng kết quả đó. Đây là cơ sở thực tế để giáo viên điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động của học sinh và hướng dẫn họ tự điều chỉnh, tự hoàn thiện hoạt động học của bản thân mình.
 - Giáo viên cần biết rõ là nội dung đã được dạy và học đủ chưa, cần bổ sung gì, phương pháp dạy học đã phù hợp chưa, cần hỗ trợ thêm cho người học như thế nào. Muốn biết rõ những điều đó và để có những quyết định phù hợp, giáo viên phải căn cứ vào kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.
 - Thông qua kiểm tra, đánh giá, giáo viên biết được trình độ người học, những điểm yếu của sinh viên trước khi vào học. Điều này rất quan trọng đối với các khoá học ngắn hạn, bồi dưỡng nâng cao vì nó giúp giáo viên xác định được nhu cầu của người học để có thể đề ra mục tiêu học tập sát hợp.
 - Kết quả đánh giá quá trình cho phép theo dõi, đánh giá sự tiến bộ hoặc hạn chế của người học. Kết quả đánh giá cuối khoá cho phép đo sự gia tăng kiến thức, kĩ năng, năng lực của người học sau khoá đào tạo.
 - Đánh giá kết quả học tập của học sinh được tiến hành tốt giúp cho họ có cơ hội để củng cố tri thức, phát triển trí tuệ. Thông qua đánh giá tạo điều kiện cho học sinh tái hiện, chính xác hoá tri thức, hoàn thiện, đào sâu, hệ thống hoá tri thức, rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo vận dụng tri thức, phát triển năng lực tư duy sáng tạo.

- Đánh giá thúc đẩy học sinh học tập.
- + Thông báo kịp thời cho học sinh biết tiến bộ của họ, có tác dụng thúc bách sinh viên học tập, động viên, khích lệ họ học nhiều hơn, tốt hơn, chỉ cho họ thấy những nội dung nào chưa tốt, nội dung nào cần học thêm, học lại...
- + Đánh giá giúp hình thành cho HS nhu cầu thói quen tự đánh giá, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.
- Đánh giá làm cơ sở để có những quyết định hợp lí.
- Đánh giá nâng cao chất lượng dạy học.
- + Giúp cho giáo viên thu được những thông tin ngược từ học sinh, phát hiện thực trạng kết quả học tập của học sinh cũng như những nguyên nhân cơ bản dẫn tới thực trạng kết quả đó. Đây là cơ sở thực tế để giáo viên điều chỉnh hoạt động của học sinh và hướng dẫn học sinh tự điều chỉnh hoạt động học của bản thân mình.
- + Giúp cho học sinh có cơ hội để củng cố tri thức, phát triển trí tuệ. Thông qua đánh giá tạo điều kiện cho học sinh tái hiện, chính xác hoá tri thức, hoàn thiện, khắc sâu những tri thức đã thu lượm được. Đánh giá tri thức giúp cho học sinh củng cố, đào sâu, hệ thống hoá tri thức, rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo vận dụng tri thức, phát triển năng lực tư duy sáng tạo
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong học tập, rèn luyện một số phẩm chất tích cực cho HS (tính kỉ luật, tính tự giác và ý chí vươn lên trong học tập).

Kiểm tra, đánh giá được tiến hành đúng đắn sẽ củng cố cho học sinh tính kiên định, cẩn thận, tự tin vào khả năng của mình, tạo dư luận lành mạnh trong tập thể, tăng cường mối quan hệ thầy trò.

* *Quan sát hàng ngày để thu các thông tin về:*

- Sự tham gia của học sinh vào thảo luận;
- Các câu hỏi của học sinh đưa ra;
- Kĩ năng làm việc nhóm;
- Độ chuẩn xác trong câu trả lời của học sinh;
- Cách phản ứng của học sinh đối với bài tập, điểm kiểm tra;
- Sự chú ý của học sinh;
- Hứng thú của học sinh...

* *Đặt câu hỏi để thu thông tin:*

- Sự hiểu bài của học sinh;
- Học sinh có thể hiện được kĩ năng không;

- * *Vai trò của đặt câu hỏi:*
- Lôi cuốn học sinh tham gia vào bài học;
- Khuyến khích tư duy của học sinh;
- Giúp học sinh ôn lại những nội dung quan trọng;
- Điều khiển hoạt động nhận thức của học sinh.

Hoạt động 2: Thực hiện kĩ thuật quan sát để điều chỉnh, hỗ trợ quá trình dạy học.

Hãy nhớ lại các tiết dạy của bạn và trả lời câu hỏi sau:

- * Khi quan sát học sinh, bạn đã sử dụng công cụ nào để hỗ trợ cho quá trình quan sát đánh giá kỹ năng, thái độ học tập của học sinh học trong giờ học?

- * *Thử mô tả sự tiến bộ của một học sinh qua các thông tin thu được từ quan sát. Hãy đưa ra những lời khuyên để quan sát có hiệu quả.*

- * Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm của mình, bạn hãy xây dựng các công cụ quan sát cụ thể cho một đối tượng cụ thể theo mục đích và nội dung cụ thể trong một giờ học của bạn.

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

Thông tin phản hồi

- * Các công cụ quan sát:
- Biểu đồ tham dự là một công cụ quan sát để đánh giá sự tham gia của học sinh trong hoạt động của nhóm nhỏ. Ví dụ về biểu đồ tham dự của học sinh trong buổi thảo luận:

Chủ đề thảo luận				
Tên học sinh	Mức độ tham gia			
	1	2	3	4
A				
B				
C				
D				
E				

1: Đưa ra ý kiến mới, sáng tạo và quan trọng.

2: Ý kiến tương đối quan trọng.

3: Ý kiến chưa thuyết phục.

4: Ý kiến không xác đáng.

Cũng có thể thiết kế biểu đồ tham dự quan sát về sự tham gia của học sinh vào nhóm nhỏ một cách nhiệt tình hay thờ ơ, hoặc làm giảm hiệu quả.

- Bảng kiểm tra giúp người quan sát có thể ghi lại một cách nhanh chóng và cô hiệu quả xem một đặc trưng có xuất hiện không, nhưng không cho biết mức độ thường xuyên của đặc trưng đó. Ví dụ bảng kiểm tra dưới đây:

Họ tên học sinh

Trường Lớp

Ngày

Bối cảnh

Người quan sát

Hướng dẫn: Những liệt kê ở dưới là các đặc trưng liên quan tới mối quan tâm đến người khác. Hãy xem xét đặc trưng nào phù hợp với học sinh trên (đánh dấu X vào những đặc điểm có xuất hiện, 0 vào những đặc điểm không xuất hiện).

Thứ tự	Những đặc điểm	Xuất hiện
1		
2		
3		
.....		

- Thang đánh giá được coi như một công cụ sử dụng thông dụng để đánh giá thái độ, giúp cho việc đánh giá học sinh ở một loạt các đặc điểm như: tính kỷ luật, lòng nhiệt tình, sự quan tâm, tính đúng giờ... Thang đánh giá rất có ích trong việc đánh giá quy trình, sản phẩm và sự phát triển cá nhân.

Thang đánh giá số là loại thang đánh giá đơn giản nhất, người đánh giá chỉ đánh số điểm chỉ ra mức độ mà một đặc điểm thể hiện.

Thang đánh giá mô tả là hình thức phổ biến nhất của thang đánh giá, nó tương tự như thang đánh giá số mà trong đó người đánh giá được yêu cầu để định ra giá trị nào đó ở một đặc điểm cụ thể. Tuy nhiên, nó được biểu thị dưới hình thức mô tả. Chẳng hạn, quan sát sự nhiệt tình của học sinh trong một hoạt động thể hiện:

1. Rất nhiệt tình;
2. Nhiệt tình;
3. Ít nhiệt tình;
4. Không nhiệt tình;
5. Rất không nhiệt tình.

Hoặc những sai sót trong hướng dẫn một hoạt động nhóm, thể hiện:

1. Rất nhiều sai sót;
2. Nhiều sai sót;
3. Có một số sai sót;
4. Ít sai sót;
5. Rất ít sai sót.

Điểm quan trọng đối với cả thang số và thang mô tả là số điểm trên các dòng cần được mô tả cụ thể, rõ ràng để người đánh giá hiểu được ý nghĩa cụ thể của nó.

Trong thang đánh giá, các hành vi được liệt kê chỉ ra sự xuất hiện hay không xuất hiện của đặc điểm được quan sát, cũng có thể chỉ ra tần số hành vi xuất hiện, hoặc một thang bậc bao gồm các mức độ cho mỗi hành vi (như: liên tục, thường xuyên, đôi khi, hiếm khi, không bao giờ).

Thang xếp loại đòi hỏi người đánh giá ấn định số cho mỗi học sinh xếp từ cao đến thấp dựa trên các đặc điểm được đánh giá. Phương pháp này rất công kênh khi có số lượng lớn học sinh hoặc có nhiều đặc điểm được xếp loại. Thông thường, các đặc điểm được xếp loại tối đa là 7 và số người xếp loại cũng cần hạn chế. Nếu cố gắng xếp loại quá nhiều học sinh hoặc quá nhiều đặc điểm thì mức độ tin cậy và sự hợp lý của đo lường sẽ bị ảnh hưởng. Mặt khác, có sự khác nhau giữa những người xếp loại và đối tượng được xếp loại ở mỗi tập hợp khác nhau.

Tuy nhiên, xếp loại khó phản ánh được cụ thể thái độ của học sinh. Chẳng hạn, với một đặc điểm nào đó mà một học sinh đứng thứ 3 của lớp này nhưng lại nổi trội hơn hẳn học sinh cũng đứng thứ 3 của lớp khác. Hơn

nữa, những học sinh ở phía đầu và ở phía cuối thì thể hiện rõ rệt, nhưng những học sinh ở giữa thì khó sắp xếp thứ tự, vì gần giống nhau.

Một trong những sự phức tạp của thang đánh giá là sự quan sát phải được diễn ra trong khoảng thời gian dài. Một số lỗi sai khi sử dụng thang đánh giá thường là ở người đánh giá, thang đánh giá, ở đặc điểm được đánh giá và những điều kiện để người đánh giá quan sát được đầy đủ. Các lỗi này thường thể hiện như:

- Sự không rõ ràng và đầy đủ của đặc điểm được đánh giá, nó sẽ làm cho người đánh giá không chắc chắn là sẽ đánh giá cái gì.
- Thể hiện ở tính chủ quan của người đánh giá (cảm tính, sự khắt khe, kinh nghiệm, trình độ...).

* *Một số gợi ý khi sử dụng thang đánh giá*

Đối với thang đánh giá, cần nhận biết lĩnh vực của các đặc điểm cụ thể cần đánh giá, chỉ rõ các đặc điểm được đánh giá và các đặc điểm được sử dụng trên thang đánh giá, đánh giá dựa trên mỗi yếu tố cụ thể và nó cũng cần được chia nhỏ hơn.

Đối với người đánh giá, cần phải tiến hành đánh giá một cách chính xác. Cần lựa chọn những người đánh giá một cách khách quan, không thiên vị.

Đối với cách sử dụng thang đánh giá, nên kết hợp các loại thang đánh giá. Nhìn chung, số lượng thang đánh giá và số lượng người đánh giá độc lập lớn thì độ tin cậy lớn.

Tất cả số người được đánh giá trên cùng một đặc điểm rồi sau đó chuyển sang đặc điểm thứ hai. Đưa ra đánh giá càng sớm càng tốt ngay sau khi quan sát.

Hoạt động 3: Thực hiện kĩ thuật đặt câu hỏi để điều chỉnh, hỗ trợ quá trình dạy học.

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm của mình, bạn hãy viết ra những suy nghĩ của mình để thực hiện một số yêu cầu sau:

* *Chỉ ra vai trò của việc đặt câu hỏi trong dạy học.*

* *Đánh giá những ưu điểm và hạn chế của việc đặt câu hỏi trong thực tiễn dạy học hiện nay.*

– **Ưu điểm:**

– **Hạn chế:**

* *Bằng kinh nghiệm thực tiễn dạy học của bản thân, hãy cho những lời khuyên để sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi hỗ trợ tốt cho quá trình dạy học.*

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

Thông tin phản hồi

** Vai trò của đặt câu hỏi trong dạy học:*

- Đặt câu hỏi là phương pháp rất quan trọng, để điều khiển hoạt động nhận thức của học sinh, giáo viên có khả năng chỉ đạo nhận thức của cả lớp và của từng học sinh.
- Giúp cho học sinh thực sự hiểu bài và trang bị cho các em các kĩ năng tư duy cấp cao.
- Kích thích học sinh tích cực độc lập tư duy, khuyến khích học sinh tích cực suy nghĩ và tự lực. Học sinh phải tư duy tích cực độc lập để tìm ra câu trả lời chính xác, đầy đủ, gọn gàng nhất, tìm ra câu trả lời tối ưu một cách nhanh chóng nhất.
- Bồi dưỡng cho học sinh phát triển năng lực diễn đạt bằng lời những vấn đề khoa học.
- Cung cấp kịp thời cho giáo viên những thông tin phản hồi nhanh chóng để biết được học sinh có hiểu bài hay không; khám phá thái độ của học sinh, kiểm tra hiệu quả của việc dạy, kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và hoạt động học.
- Tạo sự sinh động trong giờ học, tăng sự quan tâm của học sinh.

** Những ưu điểm và hạn chế của đặt câu hỏi trong thực tiễn dạy học (Bạn tự nêu theo gợi ý sau):*

- Về chất lượng câu hỏi;
- Về cách đặt câu hỏi;
- Về cách phản hồi thông tin từ người trả lời.

** Một số yêu cầu về đặt câu hỏi:*

- Đối với câu hỏi:
 - + Câu hỏi đặt ra cho học sinh để học sinh có thể trả lời được.
 - + Câu hỏi cần ngắn gọn và rõ ràng, dễ hiểu.
 - + Nên hạn chế việc sử dụng những câu hỏi chỉ cần trả lời “có” hoặc “không”.
- Đối với cách hỏi:
 - + Đảm bảo cho học sinh có đủ thời gian để trả lời.
 - + Nên sử dụng thêm cử chỉ, ánh mắt, động tác để khuyến khích học sinh trả lời.

- + Cần chăm chú theo dõi câu trả lời, khi cần đặt thêm câu hỏi phụ để gợi ý, dẫn dắt học sinh trả lời, nhằm tránh lãng phí thời gian chờ đợi học sinh trả lời.
- + Cần có thái độ bình tĩnh khi học sinh trả lời sai hoặc thiếu chính xác; tránh nôn nóng cắt ngang câu trả lời khi không cần thiết.
- + Cần khích lệ học sinh mạnh dạn nêu những câu hỏi để thu hút toàn lớp tham gia thảo luận, giải quyết vấn đề.
- + Có thể sử dụng một số kĩ thuật thăm dò để “thâm nhập” vào tư duy của học sinh.
- Cách phản hồi thông tin từ câu trả lời của học sinh:
- Nên có sự ghi nhận hoặc khen ngợi câu trả lời đúng của học sinh, không nên làm cho học sinh cảm thấy xấu hổ với câu trả lời của mình.
- Nếu học sinh không trả lời được, gợi mở cách trả lời, hoặc có thể đặt một câu hỏi khác đơn giản hơn.
- Cần chú ý không chỉ vào kết quả câu trả lời mà cả vào cách diễn đạt câu trả lời một cách chính xác, rõ ràng, logic.

III. BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 2

1. Từ thực tiễn giảng dạy, hãy phân tích những tác động tích cực của kiểm tra, đánh giá đến hiệu quả dạy học.
2. Phân tích ý nghĩa của kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với việc hỗ trợ cho dạy học có hiệu quả.
3. Trình bày phương pháp quan sát sử dụng trong đánh giá thái độ. Hãy thiết kế một thang mô tả để quan sát tính tích cực học tập của học sinh ở môn học cụ thể.
4. Hãy đánh giá việc sử dụng phương pháp quan sát của một giáo viên trong một giờ học mà bạn được dự.
5. Thiết kế một bảng kiểm tra để đánh giá thái độ của học sinh đối với một môn học mà bạn giảng dạy.
6. Thiết kế thang đánh giá (một thang số, một thang mô tả, một thang xếp loại) để đánh giá thái độ của học sinh đối với một môn học cụ thể.
7. Thực hành kĩ thuật đặt câu hỏi để giảng dạy có hiệu quả ở một nội dung cụ thể của môn học (thực hành theo nhóm môn dạy).
8. Tại sao cần có sự lựa chọn phương pháp đánh giá để đánh giá thái độ của học sinh? Những căn cứ nào để lựa chọn? Có minh họa cụ thể.



D. Tài liệu tham khảo

1. Bloom B.S, *Nguyên tắc phân loại mục tiêu giáo dục (lĩnh vực nhận thức)*, Người dịch: Đoàn Văn Điều, Nxb Giáo dục, 1995.
2. Nguyễn Phụng Hoàng, *Phương pháp kiểm tra – đánh giá thành quả học tập*, Nxb Giáo dục, 1996.
3. Lê Đức Ngọc, *Tóm tắt về kỹ thuật kiểm tra, đánh giá*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Nghiên cứu phát triển giáo dục, 1997.
4. Trần Thị Tuyết Oanh, *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, Nxb Đại học Sư phạm, 2007.
5. Dương Thiệu Tống, *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập (Phương pháp thực hành, tập I)*, Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 1995.
6. James H. McMillan, *Classroom Assessment, Principles and Practice for Effective Instruction*, A Pearson Education Company, Copyright 2001, 1997 by Allyn&Bacon.
7. Osterlind, S.J, *Constructing Test Items*, Kluwer Academic Publishers, London. 1992.
8. Popham W.L (editor), *Criterion - referenced Measurement*, Educational Technology Publication, Englewood cliffs, New Jersey, 1973.
9. Stodola, Q and Stordahl, K, *Basic Educational Test and Measurement*, Science Research Associates, Inc. 1967.

